

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2023.

V/v: "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Xa T, sinh năm 1979.

HKTT: thôn L, xã N, huyện M, tỉnh H.

Có mặt.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị C, sinh năm 1981.

HKTT: thôn L, xã N, huyện M, tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: thôn P, xã G, huyện M, tỉnh H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đoàn Xa T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh H ngày 16 tháng 02 năm 2001. Sau khi cưới, vợ chồng về ở chung nhà với bố mẹ anh tại thôn L, xã N. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khó khăn nhưng vẫn vui vẻ, biết nhường nhịn và cùng chịu khó làm ăn. Nhưng đến khoảng năm 2015 - 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Khoảng cuối năm 2017, chị C bỏ về quê ở thôn P, xã G, huyện M, tỉnh H, không quay về gia đình anh nữa, để hai con là cháu Đoàn O và cháu Đoàn Q cho anh nuôi dưỡng. Đến năm 2018, chị C đón hai con về nuôi. Giữa anh và chị C không liên lạc, không

quan tâm nhau, cuộc sống của ai người ấy tự lo. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị Đinh Thị C.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị C có hai con chung là cháu Đoàn O-sinh ngày 26/12/2001 và cháu Đoàn Q-sinh ngày 06/12/2007. Hiện cháu Hoa đã trưởng thành, còn cháu Đoàn Q đang ở với chị C. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn chị Đinh Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh H ngày 16/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ chồng chị ở thôn L, xã N, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, gái gú, về đánh đập vợ con. Chị đã nhẫn nhịn sống vì con được khoảng 03 năm nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy. Chị bỏ qua tha thứ nhiều lần cho anh T nhưng anh không thay đổi, đối xử tệ bạc với chị. Nên chị bỏ đi, sống ly thân anh T từ ngày 30/4/2020. Sau khi chị đi, anh T không tìm chị về, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì chị thấy lý do mà anh T đưa ra trong đơn là không đúng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày là đúng. Hiện cháu Đoàn O đã trưởng thành, còn cháu Đoàn Q đang ở với chị. Việc con ở với ai, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Trường hợp cháu Q ở với chị thì chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị theo quy định pháp luật, chị không yêu cầu mức cấp dưỡng cụ thể. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con. Hiện nay chị làm tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng, chị cam kết đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi bị đơn trình bày lời khai, Tòa án đã triệu tập họp lệ chị C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị C vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình làm việc với Tòa án, chị C không cung cấp địa chỉ nơi chị làm việc. Qua xác minh tại gia đình, địa phương xác định: Hiện chị Đinh Thị C đi làm ở miền Nam (không rõ địa chỉ cụ thể), thỉnh thoảng chị C về nhưng không về nhà chồng mà về ở cùng nhà với mẹ kế là bà Phạm Thị U ở thôn P, xã G, huyện M, tỉnh H. Xác minh tại Công an xã N xác định: Hiện nay chị Đinh Thị C đang có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, huyện M, tỉnh H, ngoài ra không có thông tin cư trú nào khác.

Tại phiên tòa: Anh Đoàn Xa T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị C. Về con chung: anh nhất trí để chị C nuôi con Đoàn Q vì cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị C. Anh T không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể mà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Công việc của anh ở nhà cày cấy và làm thuê dịch vụ cho đám cưới, công việc và thu nhập không ổn định, mức thu nhập T bình hàng tháng khoảng từ 04-05 triệu đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Đoàn Xa T được ly hôn chị Đinh Thị C.

- *Về con chung*: Giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đoàn Q - sinh ngày 06/12/2007 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đoàn Q cho chị C là 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 5/2023 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Không phải giải quyết.

- *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đinh Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Xa T và chị Đinh Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh H ngày 16/02/2001, **nên quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị C là hợp pháp.**

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình chung sống giữa anh T, chị C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm lạnh nhạt dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, không có biện pháp khắc phục. Anh chị đã chính thức sống ly thân nhau từ khoảng tháng 4/2020 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không liên lạc, không gặp gỡ, không quan tâm nhau, mỗi người một cuộc sống riêng. Mặc dù chị C không đồng ý ly hôn, nhưng chị không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn, chị không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, vợ chồng vẫn không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh T được ly hôn chị C là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị C có hai con chung là Đoàn O - sinh ngày 26/12/2001 và cháu Đoàn Q - sinh ngày 06/12/2007. Hiện cháu Hoa đã trưởng thành, còn cháu Anh đang ở với chị C. Về việc nuôi dưỡng cháu Q, anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Quá trình làm việc với Tòa án, cháu Q đã có bản tự khai bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy: Sau khi anh T chị C sống ly thân, cháu Q ở với mẹ, nay cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ. Chị C lao động tự do, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Chị C xác định mình có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Anh T đồng ý để chị C tiếp tục nuôi cháu Đoàn Q. Vì vậy, HĐXX giao cháu Đoàn Q cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị C yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị theo quy định pháp luật, anh T nhất trí. Anh chị đều không đề xuất mức cấp dưỡng cụ thể. Xét thấy, anh T hiện ở nhà lao động tự do, cày cấy và làm thuê dịch vụ đám cưới, công việc không ổn định, thu nhập T bình hàng tháng từ 04-05 triệu đồng. Căn cứ vào thu nhập và khả năng thực tế của anh T, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con Đoàn Q cho chị C là 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/1 tháng kể từ tháng 5/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh T, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đoàn Xa T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Đoàn Xa T được ly hôn chị Đinh Thị C.

2. *Về con chung:* Giao con chung Đoàn Q - sinh ngày 06/12/2007 cho chị Đinh Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Đoàn Q cho chị C số tiền là 1.000.000 đồng/1 tháng (*một triệu đồng/một tháng*) kể từ tháng 5/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Đoàn Xa T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều

468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí:* Anh Đoàn Xa T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung (tổng án phí = 600.000 đồng), được đối trừ tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000865 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh H. Anh Đoàn Xa T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn anh Đoàn Xa T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Đinh Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện M, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn

